**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Môn học: Tiếng Việt - Lớp 1A**

**Tên bài học: Bài 31: an ăn ân - Số tiết: 2 tiết**

*Thời gian thực hiện: 23/10/2023*

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1.Kiến thức:**

- Nhận biết và đọc đúng vần an, ăn, ân; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vần an, ăn, ân; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng vần an, ân, ăn; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần an, ăn, ân.

**2. Năng lực:**

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần an, ăn, ân có trong bài học.

- Phát triển kỹ năng nói lời xin lỗi (trong tình huống cụ thể ở trường học).

- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật (các bạn học sinh trong cùng lớp) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ (tình huống các bạn giẫm phải chân nhau khi xếp hàng vào lớp, cần nói lời xin lỗi).

**3. Phẩm chất:**

- Biết nói lời xin lỗi khi có lỗi hoặc làm phiền người khác.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:**

- GV: Bộ ghép, Tranh minh họa (nếu có)

-HS: Bộ thực hành Tiếng Việt, Vở Tập Viết, Bảng con

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động: 5’**  - HS hát  -Đọc lại bài 30  **2. Khám phá: 5’**  - YCHS quan sát tranh và TLCH: Em thấy gì trong tranh?  - Nói câu nhận biết dưới tranh  - Hướng dẫn đọc  - Giới thiệu các vần mới  **3. Thực hành: 23’**  **3.1. Đọc vần an, ăn, ân**  **- So sánh các vần**:  + Giới thiệu vần an, ăn, ân.  + So sánh vần ăn, ân , ăn  **- Đánh vần các vần**  + Đánh vần mẫu các vẫn an, ăn, ân.  + Yêu cầu HS đánh vần  **- Đọc trơn các vần**  + Yêu HS nối tiếp đọc trơn vần  **- Ghép chữ cái tạo vần**  + Yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần an/ăn/ân  - Lớp đọc đồng thanh  **3.2. Đọc tiếng**  **- Đọc tiếng mẫu**  + Giới thiệu mô hình tiếng **bạn**.  **- Đọc tiếng trong SHS**  + Đánh vần tiếng  + Đọc trơn tiếng.  **- Ghép chữ cái tạo tiếng**  + Tự tạo các tiếng có chứa vần an, ăn, ân  +Yêu cầu HS đọc tiếng vừa ghép được. +Yêu cầu HS phân tích tiếng  +Yêu cầu HS nêu lại cách ghép,  + Yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh  **3.3. Đọc từ ngữ**  - Yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. Giới thiệu từ ngữ **bạn thân**  - Nêu yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần ân trong **bạn thân**  - Yêu cầu HS phân tích, đánh vần, đọc trơn  - Tương tự đối với **quả mận, khăn rằn**  - YCHS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **3.4. Đọc lại các tiếng**  **3.5. Viết bảng**  - Đưa mẫu chữ viết các vần an, ăn, ân,  - Viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vấn an, ăn, ân.  - HDHS viết Bảng con  - GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS.  **4. Vận dụng: 2’**  - Nhận xét tiết học | -Hát  -2-3HS đọc  -Trả lời  -Đọc theo hướng dẫn: **Ngựa vằn và hươu cao cổ là đôi bạn thân.**  Đọc theo cụm cả câu  - Quan sát  - Giống nhau là đều có n đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: a, â,ă  - Lắng nghe  -Đọc tiếp nối: cá nhân, nhóm, đồng thanh. Ghép  - 3-5 HS.Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.  Đông thanh  -Lắng nghe , ghép: an, ăn, ân  +Đọc đồng thanh  -Lắng nghe  - Phân tích, đánh vần, đọc trơn: cá nhân, nhóm, đồng thanh  -HS đánh vần tiếp nối tiếng **bạn** .Lớp đánh vần đồng thanh  - Đọc trơn: cá nhân, nhóm, đồng thanh  +Ghép tiếng mới  +Đọc  +Phân tích  +nêu lại cách ghép  +Cả lớp đọc đồng thanh  -Trả lời: bạn thân  -thân  -Thực hiện yêu cầu  -Thực hiện yêu cầu  -Đọc  -Đọc cá nhân, nhóm, đồng thanh  -Quan sát  -HS viết bảng con: an, ăn, ân  - Lắng nghe  - Lắng nghe. |
|  |  |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động: 2’**  - Cho Hs khởi động theo nhạc  **2. Thực hành: 28’**  **2.1. Viết từ ngữ**  **-** Đưa mẫu các từ: bạn thân, khăn rằn  - Viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vấn an, ăn, ân.  - Nhận xét  **2.2. Viết vở**  - Giới thiệu vần, từ ngữ viết mẫu và hướng dẫn về độ cao của các con chữ.  - Lưu ý khoảng cách giữa các chữ. GV nhắc lại tư thế ngồi viết, cách cấm bút.  - GV nhận xét và sửa bài viết của một số HS.  **2.3. Đọc**  - Đọc mẫu cả đoạn  - YC HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần an, ăn, ân.  - YC HS xác định số câu trong đoạn.  -Đọc thành tiếng nối tiếp từng câu.  -Đặt câu hỏi  +Đàn gà tha thẩn ở đâu ?  +Vì sao đàn gà không còn sợ lũ quạ dữ?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **2.4. Nói theo tranh**  - YC HS quan sát tranh  +Các bạn đang làm gì?  +Có chuyện gì đã xảy ra?  +Theo em, bạn cần xin lỗi Hà như thế nào?  - YC TLN, đóng vai tình huống  GV và HS nhận xét.  - GV có thể nhắc nhở HS nội quy khi xếp hàng: đứng thẳng hàng, không đùa nghịch, không giẫm vào chân nhau,..  **3. Vận dụng: 5’**  - HS tham gia trò chơi để tìm một số từ ngữ chứa vần an, ăn, ăn và đặt câu với các từ ngữ tìm được.  - Nhận xét chung giờ học, tuyên dương  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà | -HS tham gia  -Quan sát  - Viết bảng con: bạn thân, khăn rằn  -Đọc vần, từ ngữ  -Viết vào vở  -Lắng nghe  - Lắng nghe  -Tìm  -Đọc tiếng chứa vần an, ăn, ân:cá nhân, đồng thanh  -Xác định số câu  -Đọc tiếp nối câu: cá nhân, đồng thanh  -Đọc cả đoạn  -Trả lời cá nhân  +gần chân mẹ  + đã có mẹ che chắn, bảo vệ...  - HS đọc  - Quan sát  + Các bạn đang xếp hàng vào lớp.  + Một bạn sơ ý giảm vào chân Hà.  + Bạn ấy cấn xin lỗi Hà: Xin lỗi bạn! Mình sơ ý đã giảm vào chân bạn!, Xin lỗi, minh khóng cố ý đâu!, Bạn cho mình xin lỗi nhé!.)  - TLN, đóng vai  Nhận xét bạn  -Tham gia chơi  -Lắng nghe  -Thực hiện |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Môn học: Tiếng Việt - Lớp 1A**

**Tên bài học: Bài 32: on ôn ơn - Số tiết: 2 tiết**

*Thời gian thực hiện: 24/10/2023*

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết và đọc đúng vần on, ôn , ơn; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vần on, ôn ,ơn; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng vần on, ôn ,ơn; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vấn on, ôn ,ơn.

**2. Năng lực:**

-Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần on, ôn ,ơn có trong bài học.

- Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm Rừng xanh vui nhộn được gợi ý trong tranh; mở rộng vốn từ ngữ chỉ con vật, sự vật và tính chất, hoạt động của chúng (trong đó có một số từ ngữ chửa vần on, ôn, ơn).

**3. Kĩ năng**

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết sự vật (khung cảnh rừng xanh, một số con vật sống trong rừng và suy đoán nội dung tranh minh hoạ (cảnh đẹp, vui nhộn của khu rừng vào buổi sáng).

**4. Phẩm chất:**

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên qua thú trong rừng tranh sinh động về rừng, về muông

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Bộ thực hành ghép, Tranh minh họa (nếu có)

-HS: Bộ thực hành ghép, bảng con, vở Tập viết

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động: 5’**  - Hát  - Đọc lại bài 31  **2. Khám phá: 5’**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Em thấy gì trong tranh?  - Nói câu thuyết minh.  -YCHS nhận biết tiết chứa on, ôn, ơn  - HD đọc từng cụm, câu  - GV giới thiệu các vần mới on, ôn, ơn. Viết tên bài lên bảng.  **3. Thực hành: 23’**  **3.1. Đọc vần**  **- So sánh các vần**:  + GV giới thiệu vần on, ôn, ơn  + so sánh vần on, ôn, ơn  **- Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vần on, ôn, ơn.  **- Đọc trơn các vần**  **- Ghép chữ cái tạo vần**  **3.2. Đọc tiếng**  **- Đọc tiếng mẫu**  + Giới thiệu mô hình tiếng con.  + YC ghép, đánh vần, đọc trơn  **- Đọc tiếng trong SHS**  **- Ghép chữ cái tạo tiếng**  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần on, ôn, ơn  +YC HS đọc tiếng vừa ghép được.  +YC HS phân tích tiếng  +YC HS nêu lại cách ghép,  +GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **3.3. Đọc từ ngữ**  - YC quan sát tranh, nhận biết vật  - YC nhận biết tiếng chứa vần on  - YC phân tích và đánh vần, đọc trơn  - Tương tự đối với con chồn, sơn ca  **3.4. Đọc lại các tiếng**  - GV có thể cho nhóm đôi đọc cho nhau nghe, gọi một số HS đọc, cuối cùng cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **3.5. Viết bảng**  - Giới thiệu mẫu chữ viết các vấn on, ôn, ơn  -Viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần on, ôn, ơn.  - Quan sát, giúp đỡ HS gặp khó khăn  - Nhận xét, đánh giá và sửa lỗi cho HS.  **4. Vận dụng: 2’**  - Nhận xét tiết học | -Hát  -Đọc lại bài 31, Viết bạn thân  -Quan sát, trả lời: Một nhóm sơn ca đang hát trên cành cây. Sơn ca hát: Mẹ đi, con đã lớn khôn, Nhóm khác đang tập viết,..  -Lắng nghe  -Nhận biết  -Đọc từng cụm, câu: cá nhân, đồng thanh.  - HS đọc  - HS đọc  - Giống nhau là đều có n đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: o, ơ, ô  -Đánh vần, đọc trơn: cá nhân, nhóm, đồng thanh  -Ghép  -Hs lắng nghe và quan sát  -Nhận biết mô hình  -Ghép, đánh vần, đọc trơn: cá nhân, nhóm, đồng thanh  - Đánh vần, đọc trơn: cá nhân, nhóm, đồng thanh  -Ghép  -Thực hiện yêu cầu  -HS đọc  -nón lá  -Trong tiếng nón có vần on  -HS thực hiện: cá nhân, nhóm, đồng thanh  -Thực hiên tương tự  -Thực hiện đọc  - HS đọc  -Quan sát, lắng nghe  -Viết bảng: on, ôn, ơn  -Lắng nghe  - Lắng nghe. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động: 5’**  - Cho HS chơi trò chơi Hộp quà bí mật  **2. Thực hành: 25’**  **2.1. Viết từ ngữ**  - Giới thiệu mẫu chữ viết các từ: con chồn, sơn ca  -Viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần on, ôn, ơn.  - Nhận xét  **2.2. Viết vở**  - Đưa vần, từ ngữ viết mẫu và hướng dẫn về độ cao của các con chữ.  - Lưu ý khoảng cách giữa các chữ. GV nhắc lại tư thế ngồi viết, cách cấm bút, hỗ trợ HS gặp khó khăn  -Nhận xét và sửa bài viết của một số HS.  **2.3. Đọc**  - Đọc mẫu cả đoạn  - Yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần on, ôn, ơn.  - YC xác định số câu trong đoạn. Hướng dẫn đọc  - HD tìm hiểu về nội dung đoạn văn đã đọc:  +Có mấy chú lợn con được kể trong bài vè?  +Những từ ngữ nào nói lên đặc điểm của các chú lợn con?  +Theo em, các chú lợn con có đáng yêu không?  -Thống nhất câu trả lời  **2.4. Nói theo tranh**  - YC HS quan sát tranh :  +Bức tranh vẽ cảnh ở đâu?  +Cảnh buổi sáng hay buổi chiều?  +Dựa vào đâu mà em biết?  + Có những con vật nào trong khu rừng?  +Các con vật đang làm gì?  +Mặt trời có hình gì?  +Khung cảnh khu rừng vào buổi sáng thư thế nào?  -Kết luận: Giúp HS có ý thức bảo vệ rừng, bảo vệ động vật, giữ gìn tài nguyên môi trường của đất nước.  **3. Vận dụng: 5’**  - Đọc lại toàn bài  - Nhận xét, tuyên dương  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà | - Tham gia chơi  -Quan sát, lắng nghe  -Viết bảng con: con chồn, sơn ca  - Lắng nghe. Viết vở  - HS lắng nghe  -Lắng nghe  -Tìm tiếng  -Đọc trơn tiếng  Đọc tiếp nối câu. Đọc đoạn: cá nhân, nhóm, đồng thanh  +bốn chú  +vô tư, no tròn  +Cá nhân: vui vẻ, béo tròn...  - Lắng nghe  -Quan sát  +Bức tranh vẽ cảnh ở rừng  +vào buổi sáng  +Vì có hình ảnh mặt trời chiếu rọi.  +Có những con vật: chồn, gấu, lợn, sóc, thỏ, khỉ.  +Các con vật đứng thành vòng tròn, cầm tay nhau nhảy múa. Khi một tay đu cành cây, một tay bắt bướm. Chim và bướm đang bay lượn.  +Mặt trời có hinh tròn.  +Khung cảnh khu rừng vào buổi sáng thật vui nhộn.  -Lắng nghe  -Đọc  -lắng nghe |

**IV.Điều chỉnh sau bài dạy:**

……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Môn: Tiếng Việt – Lớp 1A**

**Tên bài học: Ôn tập đọc và viết - Số tiết: 01**

*Thời gian thực hiện: Ngày 24/10/2023*

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Giúp HS củng cố về đọc viết các vầnan, ăn, ân, on, ôn, ơn đã học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Vở bài tập Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn đọc:(15 phút)**  - GV ghi bảng.  **1.1. Đọc vần**: an, ăn, ân, on, ôn, ơn , en ,ên, in, un  **1.2. Đọc từ:**  bạn thân, khăn rằn, gần gũi, mẹ con, con chồn,sơn ca, mơn mởn…  **1.3 Đọc đoạn:**  - Yêu cầu học sinh đọc các đoạn bài 31,32,33  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Ôn viết( 15 phút)**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly.  an, ăn, ân, on, ôn, ơn, bạn, lăn, cần, con, chồn, sơn. Mỗi chữ 1 dòng.  - Viết câu:  +Mẹ ơi, con đã khôn lớn  +Đàn gà cứ tha thẩn gần chân mẹ  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Chấm bài:**  - GV chấm vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **4. Vận dụng: 2’**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc vần: cá nhân, nhóm, lớp: an, ăn, ân, on, ôn, ơn , en ,ên, in, un  - HS đọc từ: cá nhân, nhóm, lớp: bạn thân, khăn rằn, gần gũi, mẹ con, con chồn,sơn ca, mơn mởn…  - Đọc đoạn cá nhân, đồng thanh  - HS viết vở ô ly, lưu ý tư thế ngồi viết  - Viết câu, mỗi câu 1 dòng.  -Mang vở lên  -Lắng nghe  -Lắng nghe |

**III. Điều chỉnh sau bài dạy**

………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN TIẾNG VIỆT – LỚP 1A**

**Tên bài học: Bài 33: en, ên, in, un – Số tiết: 2**

*Thời gian thực hiện:25/10/2023*

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết và đọc đúng vần en, ên, in , un; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vần en, ên, in , un; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng vần en, ên, in , un; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần en, ên, in , un.

**2. Kĩ năng:**

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần en, ên, in , un có trong bài học.

- Phát triển kỹ năng nói lời xin lỗi (trong những tình huống cụ thể ở trường học).

- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật, sự việc (bác bảo vệ, học sinh, đá bóng..) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ về các tỉnh huống cần nói lời xin lỗi (sơ ý đá quả bóng vào lưng bác bảo vệ).

**3. Phẩm chất:**

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên qua thú trong rừng tranh sinh động về rừng, về muông thú.

**\* Tích hợp ANQP:** Tiết 1: HĐ vận dụng: GV giới thiệu tranh và yêu cầu HS nhìn tranh ghép từ tên lửa.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Bộ ghép, Tranh minh họa ( nếu có)

-HS: Bộ thực hành Tiếng Việt, Vở Tập viết, Bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động ( 5 phút)**  - Hát  - Ôn lại bài 32  **2. Khám phá ( 5 phút)**  - HD quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Em thấy gì trong tranh?  - Nói câu thuyết minh, hướng dẫn đọc  - GV giới thiệu các vần mới en,ên, un, in. Viết tên bài lên bảng.  **3. Thực hành ( 23 phút)**  **3.1. Đọc vần**  **- So sánh các vần**:  + Giới thiệu vần en,ên, un, in  + YCHS so sánh vần en,ên, un, in để tìm ra điểm giống và khác nhau.  **- Đánh vần các vần**  + HD đọc mẫu: en,ên, un, in  + GV yêu cầu HS nối tiếp nhau đánh vần.  **- Đọc trơn các vần**  **- Ghép chữ cái tạo vần**  **3.2. Đọc tiếng**  **- Đọc tiếng mẫu**  + Giới thiệu mô hình tiếng mèn  **- Đọc tiếng trong SHS**  HD đọc tiếng  **- Ghép chữ cái tạo tiếng**  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần en, ên, un, in.  +HD đọc tiếng vừa ghép được.  +HD phân tích tiếng  +YCHS nêu lại cách ghép,  +HD đọc  **3.3. Đọc từ ngữ**  - Giới thiệu tranh, giúp HS nhận biết từ “ ngọn nến”  -Tương tự đối với đèn pin, cún con  - GV nêu yêu HS đọc trơn nối tiếp  **3.4. Đọc lại các tiếng**  **3.5. Viết bảng**  - Đưa mẫu chữ viết các vấn en,ên,un,in  - Viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần en,ên,un,in  - Nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS.  **4. Vận dụng (3phút)**  **\* Tích hợp ANQP:** GV giới thiệu tranh và yêu cầu HS nhìn tranh ghép từ tên lửa.  - Nhận xét tiết học | -Hát  -HS đọc  -Quan sát, trả lời: Cún con chơi ở bãi cỏ, chăm chú nhìn dế mèn,...)  -Quan sát, đọc theo hướng dẫn: cá nhân, nhóm, đồng thanh  Cún con/ nhìn thấy/ dế mèn trên tàu lá  -Hs lắng nghe  - HS đọc  - Giống nhau là đều có n đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: e, ê,u,i.  - Đọc theo hướng dẫn  -Đọc trơn: cá nhân, nhóm, đồng thanh  - HS ghép  -Hình thành tiếng mẫu, ghép, phân tích, đánh vần, đọc trơn: cá nhân, nhóm, đồng thanh  -Hs lắng nghe  - Phân tích, đánh vần, đọc trơn  -Hs lắng nghe  -Ghép  -đọc  -Phân tích  -nêu lại  -Đọc  -Quan sát, nêu từ mới  -Nhận biết tiếng có chứa vần en  -Phân tích, đánh vần, đọc trơn  -Thực hiện tương tự  -Đọc tiếp nối các từ: nhóm, đồng thanh  -Đọc: cá nhân, nhóm, đồng thanh  -Quan sát, lắng nghe  -Viết bảng: en,ên,un,in  -Lắng nghe  - HS nhìn tranh ghép từ  - Lắng nghe. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động (2phút)**  - Cho HS hát  - Nhận xét, tuyên dương  **2. Thực hành (28 phút)**  **2.1. Viết từ ngữ**  - Giới thiệu các từ : đèn pin, nến cún  - Viết mẫu, HD cách viết, chú ý khoảng cách..  **2.2. Viết vở**  - Giới thiệu vần, từ ngữ viết mẫu và hướng dẫn về độ cao của các con chữ.  - HD viết. Lưu ý khoảng cách giữa các chữ. GV nhắc lại tư thế ngồi viết, cách cấm bút, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách  - GV nhận xét và sửa bài viết của một số HS.  **2.3. Đọc đoạn**  - Đọc mẫu cả đoạn  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần en,ên,un,in  - HD đọc  - HD tìm hiểu nội dung  +Trong một câu chuyện, con vật nào chậm chạp, nhưng khi chạy thi với thỏ thì đã thắng?  +Rùa có dáng vẻ thế nào?  +Con vật nào, nhìn qua, rất giống rùa?  + Vì sao tên gọi của con vật trong câu đố có nghĩa là “cha”?  +Vì sao nói tên con vật này có chứa chữ số?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **2.4. Nói theo tranh**  - YC HS quan sát tranh trong SHS:  +Việc gì đã xảy ra giữa Nam và bác bảo vệ? Nam có lỗi không?  +Nếu là Nam, em xin lỗi bác bảo vệ như thế nào?  - GV chia nhóm, đóng vai tình huống diễn ra giữa Nam và bác bảo vệ  -Nhận xét  **3. Vận dụng ( 5 phút)**  - HS tham gia trò chơi để tìm một số từ ngữ chứa vần en,ên,un,in và đặt câu với các từ ngữ tìm được.  - Nhận xét, tuyên dương  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà | -Hát  -Quan sát  -Viết bảng con: đèn pin, nến cún  -Lắng nghe  - Viết bài vào vở  - Lắng nghe  -Đọc thầm tìm tiếng, đọc tiếng  -Xác định câu, đọc tiếp nối câu, đọc cả đoạn: cá nhân, nhóm, đồng thanh  + Trong một câu chuyện, rùa chậm chạp, nhưng khi chạy thi với thỏ thi đã thắng.  +Rùa có dáng vẻ già nua, ngắn ngủn.  +Con ba ba, nhìn qua, rất giống rùa. +Tên của ba ba cũng có nghĩa là “cha" vi tiếng “cha” đồng nghĩa với “ba”, “bố”.  +Tên con vật có chứa chữ số, vì “ba ba” có số 3 hay là số 33,.)  +Nam và bạn đá bóng gắn cổng trường, quả bóng rơi vào lưng bác bảo vệ. Nam là người có lỗi. Nam phải xin lỗi bác.  + Có thể xin lỗi như sau: Cháu xin lỗi bản! Lần sau cháu không vô ý như thế nữa!  -Chia nhóm, TLN, đóng vai. Trình bày trước lớp  -Chơi  -Lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN TIẾNG VIỆT -LỚP 1A**

**Tên bài học: Bài 34: am ăm âm** **- Số tiết: 02**

*Thời gian thực hiện: Ngày 26/10/2023*

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1.Kiến thức:**

- Nhận biết và đọc đúng vần am, âm, ăm; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vần am, âm, ăm; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng vần am, âm, ăm; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần am, âm, ăm.

**2.Kĩ năng:**

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần am, âm, ăm có trong bài học.

- Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm Môi trường sống của loài vật (được gợi ý trong tranh). Nói về các loài vật, về môi trường sống của mỗi loài. Kể về một con vật được nuôi ở ở gia đình em hay nhà hàng xóm.

**3. Phẩm chất:**

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống qua hiểu biết về loài vật.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

-GV: Bộ ghép, tranh minh họa (nếu có)

-HS: Bộ ghép , bảng con, vở Tập viết

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động (5 phút)**  - HS hát chơi trò chơi  - GV cho HS viết bảng en, ên, un, in  **2. Khám phá ( 5 phút)**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Em thấy gì trong tranh?  - Nói câu thuyết minh , hướng dẫn đọc.  - GV giới thiệu các vấn mới am, âm, ăm. Viết tên bài lên bảng.  **3. Thực hành ( 23 phút)**  **3.1. Đọc vần**  **- So sánh các vần**:  + Giới thiệu vần am, âm, ăm  + YC so sánh vần am, âm, ăm  + GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.  **- Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vẫn am, âm, ăm.  **- Đọc trơn các vần**  **- Ghép chữ cái tạo vần**  **3.2. Đọc tiếng**  **- Đọc tiếng mẫu**  + GV giới thiệu mô hình tiếng làm.  +Hướng dẫn đọc  **- Đọc tiếng trong SHS**  + Đánh vần tiếng:  + Đọc trơn tiếng.  **- Ghép chữ cái tạo tiếng**  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần am, âm, ăm.  +HDHS đọc tiếng vừa ghép được.  +HD HS phân tích tiếng  +Yêu cầu HS nêu lại cách ghép,  +YC đọc  **3.3. Đọc từ ngữ**  - Giới thiệu tranh và HD quan sát  - YC HS nhận biết tiếng chứa vần am trong quả cam  - YC Phân tích, đánh vần, đọc trơn  - Tương tự đối với tăm tre, củ sâm  - HD đọc  **3.4. Đọc lại các tiếng**  - GV có thể cho nhóm đôi đọc cho nhau nghe, gọi một số HS đọc, cuối cùng cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **3.5. Viết bảng**  - Đưa mẫu chữ viết các vấn am,ăm,âm  - Viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vấn am,ăm,âm.  - Quan sát hổ trợ HS khó khăn  - GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS.  **4. Vận dụng (2phút)**  - Nhận xét tiết học | -Hs chơi  -HS viết  -Quan sát: Có một chú nhện. Chú nhện chăm chủ nhìn tấm lưới do mình dệt ra. Tấm lưới rất đẹp..  -Đọc theo hướng dẫn: cụm, cả câu:  Nhện ngắm nghía/ tấm lưới vừa là xong.  -Lắng nghe  - HS đọc  -Gợi ý: Giống nhau là đều có m đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: a,ă,â.  - HS đọc tiếp nối, đồng thanh  ­  -Ghép, phân tích  -Hs lắng nghe và quan sát  -Đọc  +Đánh vần  +Đọc trơn  -ghép  -Đọc  -Phân tích  -Nêu cách ghép  -Đọc  -Quan sát, nhận biết vật mẫu: Quả cam  -Nhận biết  - Phân tích, đánh vần, đọc trơn  -Tương tự  -Đọc tiếp nối: cá nhân, đồng thanh  -HS đọc  -Quan sát  -Viết bảng con: am,ăm,âm  - Lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động (2phút)**  - Cho HS hát  **2. Thực hành (28phút)**  **2.1. Viết từ ngữ:**  - Giới thiệu lần lần lượt các từ: tăm tre, củ sâm  - HD viết  **2.2. Viết vở**  - Đưa vần, từ ngữ viết mẫu và hướng dẫn về độ cao của các con chữ.  - Lưu ý khoảng cách giữa các chữ. GV nhắc lại tư thế ngồi viết, cách cấm bút, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách  - GV nhận xét và sửa bài viết của một số HS.  **2.3. Đọc đoạn:**  - Đọc mẫu cả đoạn  - YCHS đọc thầm và tìm các tiếng có vần am,ăm,âm, cam, tăm, sâm  - HD đọc  - HD tìm hiểu nội dung:  +Âm thanh nào báo hiệu mùa hè đã đến Hoa sen nở vào mùa nào?  +Trên thảm cỏ ven hồ, lũ trẻ làm gì?...    - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **2.4. Nói theo tranh**  - YC HS quan sát tranh trong SHS:  + Tranh vẽ cảnh ở đâu?  +Em nhìn thấy các con vật nảo trong tranh? +Mỗi con vật đang làm gì?  +Đâu là nơi sinh sống của từng loài vật?  + Kể tên các loài vật khác và nơi sinh sống của chúng mà em biết?  - GV có thể mở rộng giúp HS có ý thức giữ gìn môi trường sống cho động vật.  **3. Vận dụng ( 5 phút)**  -YC tham gia trò chơi để tìm một số từ ngữ chứa vần am, ăm, âm và đặt câu với các từ ngữ tìm được.  - Nhận xét, tuyên dương  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà | - HS hát  -Quan sát  - Viết bảng con: tăm tre, củ sâm  -Quan sát  - HS lắng nghe  - Viết vở  - Lắng nghe  - HS đọc thầm, tìm .  Đọc trơn tiếng mới  Xác định câu  Nối tiếp câu, cả đoạn  + Tiếng ve râm ran báo hiệu mùa hè đến. Hoa sen nở vào mùa hè.  +Trên thảm cỏ ven hó, lũ trẻ đang nô đùa,…  - Lắng nghe  -Quan sát, trả lời  +Tranh vẽ cành ở một khu rừng, có suối chảy phía trên là thác.  +Trong tranh, có hai chú nai (đang cúi xuống uống nước), chú hươu đang đứng bên bờ suối, có cá đang bơi, có vài con chim đang bay.  +Nai sống trong rừng. Cá sống dưới nước. Chim sống trên trời.  + Các loài vật khác:hươu, khi, vượn, gấu, voi, hổ,.. sống trong rừng. Chó, mèo, để, lợn,.. nuôi trong nhà. Tôm, cua, ốc,.. sống dưới nước,....  -Chơi  -Lắng nghe |

**IV.Điều chỉnh sau bài dạy:**

**…**……………………………………………………………………………….………………………………………………………………………………….………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TIẾNG VIỆT – LỚP 1A**

**Tên bài học: Ôn tập đọc và viết**

*Thời gian thực hiện:Ngày 26/10/2023*

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Giúp HS củng cố về đọc viết các âm en, ên, un, in, am, ăm, âm đã học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Vở bài tập Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn đọc:(10 phút)**  - GV ghi bảng.  en, ên, un, in, am, ăm, âm  - Đọc từ: ngọn nến, đèn pin, cún con…  - Yêu cầu học sinh đọc đoạn bài 33, 34  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết( 10 phút)**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly.  en, ên, un, in, am, ăm, âm, len, hên, lùn, tin, cam, nằm, mâm. Mỗi chữ 1 dòng.  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. HD làm vở bài tập( 10 phút)**  - HD làm vở bài tập bài 33, 34 trang  …32,33.  - GV chấm vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **5. Vân dụng ( 5 phút)**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết vở ô ly.  -Làm vở bài tập  -HS đọc lại  -Lắng nghe |

**IV.Điều chỉnh sau bài dạy:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TIẾNG VIỆT – LỚP 1A**

**Tên bài học: BÀI 35: Ôn tập và kể chuyện - Số tiết: 2**

*Thời gian thực hiện:Ngày 27/10/2023*

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. **Kiến thức:**

- Nắm vững cách đọc các vần on,ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm; cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu có các vần on,ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm, âm hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

**2. Kỹ năng**

- Phát triển kỹ năng viết thông qua viết từ ngữ chứa một số âm chữ đã học.

- Phát triển kỹ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe kể câu chuyện Gà nâu và vịt xám.

3. Phẩm chất: Có ý thức giữ gìn , trân trọng tình bạn

- Yêu thích môn học

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Bộ ghép, Tranh minh họa (nếu có)

-Hs: Bộ thực hành Tiếng Việt, Vở Tập viết, bảng con

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động ( 5 phút)**  - HS viết on,ơn, ôn, an, ăn, an, en, ên, un, in, am, ăm  **2. Thực hành ( 28 phút)**  **2.1. Đọc tiếng:**  - YC HS ghép âm dấu với nguyên âm để tạo thành tiếng  - Sau khi đọc tiếng có thanh ngang, GV có thể cho HS bổ sung các thanh điệu khác nhau để tạo thành những tiếng khác nhau và đọc to những tiếng đó.  **2.2. Đọc từ ngữ:**  - HD đọc  **2.3. Đọc câu**  - YC HS đọc thầm cả đoạn; tìm tiếng có chứa các vần đã học trong tuần.  - Đọc mẫu.  - HD đọc  - HD tìm hiểu nội dung:  +Khi nhìn thấy rùa, thỏ đã nói gì?  +Thái độ của rùa ra sao khi bị thỏ chế?  +Câu thảo cho thấy rùa cố gắng để thi cùng thỏ?  +Kết quả cuộc thi thế nào?  +Em học được điều gì từ nhân vật rùa?  -GV và HS thống nhất cầu trả lời.  **2.4. Viết**  - HD viết: Sen nở thắm hồ  - Lưu ý HS cách nối nét giữa các chữ cái.  - Quan sát, nhận xét và sửa lỗi cho HS.  **3. Vận dụng (2phút)**  - Nhận xét tiết học | Hs viết  -Hs ghép và đọc : theo cá nhân, theo nhóm và đồng thanh cả lớp.  - HS đọc  -Đọc cá nhân, nhóm, đồng thanh  - HS đọc thầm, tìm tiếng  -Đọc cá nhân, đồng thanh  + Thấy rùa, thỏ nói "Quả là chậm như rùa.  + Khi bị thỏ chế, rùa vẫn ôn tồn, nhẹ nhàng, không tức giận.  +Thỏ nhởn nhơ múa ca, rùa cứ bò cần mản.  +Kết quả, rùa thắng cuộc.  + Bài học: không chủ quan, không coi thường người khác.  -Quan sát, lắng nghe  -Viết vở: Sen nở thắm hồ  - Lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động (3phút)**  - Cho HS hát múa theo nhạc  **2. Thực hành (27phút)**  **2.1. Kể chuyện**  Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện.  Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt câu hỏi. HS trả lời.  Đoạn 1: Từ đầu đến vượt sông cạn để kiếm ăn.  1. Đôi bạn thân trong câu chuyện là những ai?  2. Hằng ngày, đôi bạn gà nâu và vịt xám làm gì?  Đoạn 2: Từ Một năm đến có mình rồi mà, GV  3. Chuyện gì xảy ra khiến gà nâu không thể sang sông  4. Ai đã an ủi gà nâu lúc khó khăn  Đoạn 3: Từ Thế là đến yên ổn trở lại.  5. Vịt đã giúp gà bằng cách nào?  6. Vì sao gà nhờ vịt công qua sông để tự kiếm ăn?  Đoạn 4: Tiếp theo cho đến hết. GV hỏi HS:  7. Thương vịt vất vả, gà giúp bạn việc gì?  8. Vì sao vịt không còn nhớ đến việc ấp trứng?  - HS nhìn theo tranh để kể lại từng đoạn của câu chuyện. GV có thể tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phủ hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kể.  **2.2. HS kể chuyện**  -HS kể chuyện theo tranh  -Khuyến khích kể toàn bộ câu chuyện  -kể phân vai  **3. Vận dụng ( 5 phút)**  - Nhận xét, tuyên dương  - GV khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà. | -HS hát múa  -Lắng nghe  -Trả lời  -Kể theo tranh  -Kể toàn bộ câu chuyện  -Phân vai,kể chuyện  -lắng nghe |

**IV.Điều chỉnh sau bài dạy:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Môn học: Luyện Tiếng Việt - Lớp 1A**

**Tên bài học: Luyện tập - Số tiết: 1**

*Thời gian thực hiện: Ngày 24/10/2023*

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**\*Năng lực**

- Biết và đọc đúng vần on, ôn, ơn.Viết đúng vần on, ôn, ơn, đọc đúng tiếng từ ngữ, câu có vần on, ôn, ơn; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã học.

- Viết đúng các tiếng, từ ngữ có âm on, ôn, ơn. Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua khả năng làm việc nhóm

**\*Phẩm chất**:

- Biết yêu thương mọi người.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC;**

- VBT, tranh ảnh.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (5’)**   * - Cho HS chơi trò chơi xì điện   - Cho HS viết bảng con vần “on, ôn, ơn”  - Nhận xét, tuyên dương.  **2. Luyện tập, thực hành (26’)**  **2.1. Ghép dấu thanh tạo tiếng mới:**  -Tổ chức thi ghép trên bộ thực hành có chứa vần on, ôn, ơn.  - Viết các tiếng: Đọc HS viết vào bảng con, viết vào vở lợn con, ngọn lửa  **2.2. Làm vở bài tập TV**  Bài 1/31: Nối   * -Nêu yêu cầu bài tập * -Hướng dẫn: các em hãy nối từ ngữ với tranh thích hợp.   -Nhận xét, tuyên dương.   * -Nhận xét, sửa bài.   Bài 2/31: Điền **on, ôn** hoặc **ơn**   * -Nêu yêu cầu bài tập * -Hướng dẫn các em điền đúng vần on, ôn, ơn   -Nhận xét, tuyên dương.  Bài 3/31: Điền **cơn, bốn, hon, khôn, chồn** hoặc **nón**   * -Nêu yêu cầu bài tập * -Hướng dẫn các em điền đúng tiếng vào chỗ chấm * -Nhận xét, tuyên dương.   **3. Vận dụng (4’)**  - Cho HS đọc viết lại vần “ on, ôn, ơn” vào bảng con.  - Dặn HS về đọc lại bài và xem trước bài sau.  - Nhận xét, tuyên dương HS. | -Tham gia chơi   * -Viết bảng con   - Đọc các tiếng vừa ghép (các nhân, nhóm, cả lớp)  -Viết các tiếng vừa ghép vào bảng con, vở  - Lắng nghe  - Làm cá nhân.  - Thực hiện vào VBT  -Lắng nghe  - Lắng nghe  - Làm bài vào vở bài tập  Đáp án : Khi non, trẻ là m**ón** ăn  Khi già, kh**ôn** l**ớn** ra khăn, ghế, bàn  -Lắng nghe  - HS làm phiếu nhóm.  - Đại diện ba nhóm lên điền vào phiếu lớn trên bảng , các nhóm khác nhận xét.  Đáp án:  số **bốn** **cơn** mưa chú bé tí **hon**  **nón** lá con **chồn** **khôn** lớn  - Hs thực hiện  - Lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………